

Số: /GPMT-UBND

Cần Thơ, ngày tháng 8 năm 2026

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 06 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét Văn bản số 19/DTVN-HC.2026, và số 20/DTVN-HC.2026 ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Dintsun Việt Nam về việc chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án “Đầu tư kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Xây Đá B, huyện Châu Thành” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 10751/TTr-SNNMT ngày 18 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Dintsun Việt Nam, địa chỉ tại ấp Xây Đá B, xã Hồ Đắc Kien, thành phố Cần Thơ được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Đầu tư kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Xây Đá B, huyện Châu Thành” có địa chỉ tại ấp Xây Đá B, xã Hồ Đắc Kien, thành phố Cần Thơ với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: Đầu tư kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Xây Đá B, huyện Châu Thành.

1.2. Địa điểm hoạt động: Ấp Xây Đá B, xã Hồ Đắc Kiện, thành phố Cần Thơ.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200764052 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Tài chính thành phố Cần Thơ cấp, đăng ký lần đầu ngày 29/05/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 11/5/2026. Giấy chứng nhận đầu tư số 4312194704 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Sóc Trăng (nay là Sở Tài chính, thành phố Cần Thơ) cấp, chứng nhận lần đầu ngày 20/5/2019, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 2 ngày 23/01/2025.

1.4. Mã số thuế: 2200764052.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp, gồm các ngành nghề được phép thu hút đầu tư tại Quyết định số 1603/QĐ-UBND ngày 10/4/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (phân loại theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg ngày 29/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam), bao gồm:

TT	Ngành nghề thu hút đầu tư	Mã ngành kinh tế Việt Nam
1	Sản xuất lương thực, thực phẩm	C10
2	Chế biến nông sản, thủy sản, hải sản và hàng hóa xuất khẩu	C102
3	Cơ khí chế tạo	C259
4	Sản xuất máy móc, thiết bị	C281
5	Sản xuất linh kiện điện tử	C261
6	Sản xuất thiết bị điện	C27
7	May mặc	C14
8	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	C32
9	Sản xuất bao bì, thùng giấy	C170
10	Sản xuất vải, các sản phẩm dệt, in, nhuộm	C13
11	Sản xuất kim loại (chỉ tiếp nhận các dự án có công nghệ hiện đại, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường)	C24
12	Sản xuất các sản phẩm nhựa, phụ kiện, đồ gia dụng	C22
13	Chế biến gỗ, sản xuất tủ giường, bàn ghế và các sản phẩm nội thất	C310
14	Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật và các sản phẩm hóa chất khác phục vụ nông nghiệp (ưu tiên công nghệ sạch)	C2021
15	Khai thác xử lý và cung cấp nước sạch	E36
16	Các loại hình công nghiệp phụ trợ phục vụ sản xuất nông nghiệp (bao gồm sản xuất vật tư, thiết bị, linh kiện...)	C28
17	Thu gom, tái chế phế liệu phi kim loại (phế phẩm công nghiệp thông thường)	E383

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Tổng diện tích của dự án: 53,9 ha. Trong đó, diện tích đất xây dựng nhà máy, xí nghiệp là 36,96 ha; đất hạ tầng kỹ thuật là 2,87 ha; đất trung tâm điều hành dịch vụ vận tải là 0,54 ha; đất công viên cây xanh là 5,51 ha; đất giao thông là 8,02 ha.

- Nhóm dự án: thuộc nhóm B theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công và thuộc dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Dự án Đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp Xây Đá B, huyện Châu Thành bao gồm các hạng mục hạ tầng kỹ thuật của cụm công nghiệp, trong đó có:

+ Hệ thống thu gom và xử lý nước thải (XLNT) tập trung với 04 modul có tổng công suất 9.900 m³/ngày.đêm:

. Giai đoạn 1 (2026 - 2027): Xây dựng hệ thống XLNT module 2 công suất 3.000 m³/ngày.đêm;

. Giai đoạn 2 (2028 - 2029): Xây dựng hệ thống XLNT module 3 công suất 3.000 m³/ngày.đêm và cải tạo trạm xử lý nước thải hiện hữu module 1 công suất 1.500m³/ngày.đêm đạt QCVN 40:2025/BTNMT. Nâng công suất trạm XLNT tập trung của Cụm công nghiệp lên 7.500 m³/ngày.đêm;

. Giai đoạn 3 (2030 - 2031): Xây dựng hệ thống XLNT module 4 công suất 2.400 m³/ngày.đêm. Nâng công suất trạm XLNT tập trung của Cụm công nghiệp từ 7.500 m³/ngày.đêm lên 9.900 m³/ngày.đêm.

+ Hệ thống xử lý nước cấp phục vụ Cụm công nghiệp tổng công suất 10.000 m³/ngày.đêm:

. Giai đoạn 1: Xây dựng hệ thống xử lý nước cấp số 1 công suất 5.000 m³/ngày.đêm.

. Giai đoạn 2: Xây dựng hệ thống xử lý nước cấp số 2 công suất 5.000 m³/ngày.đêm. Nâng công suất trạm xử lý nước cấp của Cụm công nghiệp từ 5.000 m³/ngày.đêm lên 10.000 m³/ngày.đêm.

- Phạm vi Giấy phép này không bao gồm đánh giá, cấp phép cho hoạt động khai thác tài nguyên nước phục vụ xử lý nước cấp.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Dintsun Việt Nam

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Dintsun Việt Nam có trách nhiệm

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo

đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**. (Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày..... tháng 8 năm 2036).

Giấy phép môi trường số 28/GPMT-UBND ngày 28/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Hồ Đắc Kien tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ NN và MT;
- CT UBND thành phố;
- Sở Công Thương;
- Cty TNHH Dintsun Việt Nam;
- Công Thông tin điện tử TP;
- VP UBND TP (2H);
- Lưu: VT.vk

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Chí Hùng

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 8 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà điều hành Cụm công nghiệp.
- Nguồn số 02: Nước thải của các dự án thứ cấp trong Cụm công nghiệp đã được xử lý đảm bảo giới hạn tiếp nhận của Chủ đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ Hệ thống xử lý nước cấp.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: kênh Lâm Liên, xã Hồ Đắc Kiện, thành phố Cần Thơ.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Tại 01 điểm xả vào kênh Lâm Liên, xã Hồ Đắc Kiện, thành phố Cần Thơ.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1075968,206; Y = 597660,485 (hệ quy chiếu VN2000, kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 6°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Giai đoạn 1: 3.000 m³/ngày đêm (tương ứng giai đoạn xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 3.000 m³/ngày) để xử lý lưu lượng khoảng 2.845,3 m³/ngày, bao gồm nước thải từ các nguồn: Nước thải sinh hoạt, nước thải sau xử lý của các dự án thứ cấp và nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước cấp.

- Giai đoạn 2: 7.500 m³/ngày đêm (tương ứng giai đoạn đầu tư trạm xử lý nước thải công suất 3.000 m³/ngày và cải tạo trạm xử lý nước thải hiện hữu công suất 1.500 m³/ngày và hoạt động của hệ thống 3.000 m³/ngày đêm của giai đoạn 1) để xử lý lưu lượng khoảng 6.400,2 m³/ngày đêm, bao gồm nước thải từ các nguồn: Nước thải sinh hoạt, nước thải sau xử lý của các dự án thứ cấp và nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước cấp.

- Giai đoạn 3: 9.900 m³/ngày đêm (tương ứng giai đoạn đầu tư trạm xử lý nước thải công suất 2.400 m³/ngày) để xử lý lưu lượng khoảng 8.396,9 m³/ngày đêm, bao gồm nước thải từ các nguồn: Nước thải sinh hoạt, nước thải sau xử lý của các dự án thứ cấp và nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước cấp.

2.4. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý tự chảy qua mương quan trắc tự động, liên tục trước khi chảy vào kênh Lâm Liên.

- Hình thức xả: Xả mặt, xả ven bờ.

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A trước khi thải ra kênh Lâm Liên.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Nước thải sinh hoạt từ nhà điều hành Cụm công nghiệp (tương ứng với nguồn số 1) được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, sau đó thu gom về hệ thống xử lý nước thải của Cụm công nghiệp.

- Nước thải của các dự án thứ cấp trong Cụm công nghiệp đã được xử lý đảm bảo giới hạn tiếp nhận của Chủ đầu tư hạ tầng Cụm công nghiệp (tương ứng với nguồn số 2) và nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước cấp (tương ứng với nguồn số 3) được thu gom vào hệ thống thu gom nước thải của Cụm công nghiệp thông qua các hố thu bố trí trên đường cống thu gom nước thải đặt dọc trên các tuyến đường N3, N4, N5, D2, D4 để dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung Cụm công nghiệp. Dự án sử dụng 02 loại cống D400 và D600 để thu gom nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải: Hệ thống xử lý nước thải tập trung tổng công suất 9.900 m³/ngày gồm 4 module được đầu tư theo các giai đoạn như sau:

1.2.1. Giai đoạn 1: Hệ thống xử lý nước thải module 2

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải đầu vào → Mương dẫn → Thiết bị lược rác thô → Hố thu gom → Thiết bị lược rác tinh → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH1 → Bể phản ứng 1 → Bể tạo bông 1 → Bể lắng hóa lý 1 → Bể đệm → Bể Anoxic A/B → Bể Aerotank A/B → Bể lắng sinh học → Bể điều chỉnh pH2 → Bể phản ứng 2 → Bể phản ứng 3 → Bể điều chỉnh pH3 → Bể tạo bông 2 → Bể lắng hóa lý 2 → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 3.000 m³/ngày.

- Hóa chất sử dụng: PAC, Polymer Anion, Chlorine, H₂SO₄, khử màu, NaOH, H₂O₂, FeSO₄ (hoặc các hóa chất tương đương, sử dụng với lượng phù hợp, bảo đảm chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu, không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

1.2.1. Giai đoạn 2

a) Cải tạo hệ thống xử lý nước thải module 1

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải đầu vào → Lược rác thô → Hàm bơm → Bể lắng cát → Bể điều hòa → Bể phản ứng → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể điều chỉnh pH2 → Bể phản ứng 2 → Bể phản ứng 3 → Bể điều chỉnh pH3 →

Bể tạo bông 2 → Bể lắng hóa lý 2 → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 1.500 m³/ngày.

- Hóa chất sử dụng: PAC, Polymer Anion, Chlorine, H₂SO₄, khử màu, NaOH, H₂O₂, FeSO₄ (hoặc các hóa chất tương đương, sử dụng với lượng phù hợp, bảo đảm chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu, không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

b) Hệ thống xử lý nước thải module 3

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải đầu vào → Mương dẫn → Thiết bị lược rác thô → Hố thu gom → Thiết bị lược rác tinh → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH1 → Bể phản ứng 1 → Bể tạo bông 1 → Bể lắng hóa lý 1 → Bể đệm → Bể Anoxic A/B → Bể Aerotank A/B → Bể lắng sinh học → Bể điều chỉnh pH2 → Bể phản ứng 2 → Bể phản ứng 3 → Bể điều chỉnh pH3 → Bể tạo bông 2 → Bể lắng hóa lý 2 → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 3.000 m³/ngày.

- Hóa chất sử dụng: PAC, Polymer Anion, Chlorine, H₂SO₄, khử màu, NaOH, H₂O₂, FeSO₄ (hoặc các hóa chất tương đương, sử dụng với lượng phù hợp, bảo đảm chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu, không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

c) Hệ thống xử lý nước thải module 2 đang hoạt động với công suất 3.000 m³/ngày.

1.2.3. Giai đoạn 3

a) Hệ thống xử lý nước thải module 4

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải đầu vào → Mương dẫn → Thiết bị lược rác thô → Hố thu gom → Thiết bị lược rác tinh → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH1 → Bể phản ứng 1 → Bể tạo bông 1 → Bể lắng hóa lý 1 → Bể đệm → Bể Anoxic A/B → Bể Aerotank A/B → Bể lắng sinh học → Bể điều chỉnh pH2 → Bể phản ứng 2 → Bể phản ứng 3 → Bể điều chỉnh pH3 → Bể tạo bông 2 → Bể lắng hóa lý 2 → Bể khử trùng → Mương quan trắc → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 2.400 m³/ngày.

- Hóa chất sử dụng: PAC, Polymer Anion, Chlorine, H₂SO₄, khử màu, NaOH, H₂O₂, FeSO₄ (hoặc các hóa chất tương đương, sử dụng với lượng phù hợp, bảo đảm chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu, không phát sinh thêm chất ô nhiễm).

b) Hệ thống xử lý nước thải module 1 (công suất 1.500 m³/ngày đêm), module 2 công suất 3.000 m³/ngày và module 3 (công suất 3.000 m³/ngày đêm) đang hoạt động.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

- Số lượng: 01 trạm (đã lắp đặt).

- Vị trí lắp đặt: Tại mương quan trắc nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp.

- Thông số lắp đặt: pH, nhiệt độ, COD, TSS, Amoni, lưu lượng (đầu vào và đầu ra).

- Thiết bị lấy mẫu tự động: 01 thiết bị.
- Camera giám sát: Đã lắp đặt camera giám sát.
- Kết nối, truyền số liệu: Dữ liệu quan trắc phải truyền về Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Cần Thơ để theo dõi, giám sát theo đúng quy định.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố

Chủ dự án đã xây dựng hồ sự cố quy cách ($D \times R \times H_t = 100 \times 21 \times 5,5m$), tổng thể tích hồ là $10.500 m^3$, hồ được lót chống thấm bằng nhựa HDPE dày 1mm.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Vận hành các hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Thiết lập giá trị cảnh báo sớm cho hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với các thông số ô nhiễm trong nước thải; thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị đo thải quy định.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành các hệ thống xử lý nước thải và ghi chép vào sổ nhật ký vận hành hàng ngày.

- Trường hợp nước thải đầu ra vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trong điều kiện các hệ thống xử lý nước thải vẫn hoạt động, nước thải sẽ được quay vòng để xử lý lại.

- Trường hợp trạm xử lý nước thải tập trung gặp sự cố nghiêm trọng và kéo dài sẽ báo chính quyền địa phương, cơ quan cấp phép môi trường để giám sát, kiểm tra khắc phục; nước thải phát sinh sẽ được lưu giữ tại hồ sự cố có thể tích $10.500 m^3$; sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải tại hồ sự cố được tiếp tục xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

1.5. Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp (theo đề xuất của Chủ dự án)

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn tiếp nhận
1	pH	—	5,5 – 9
2	BOD5 (20oC)	mg/L	50
3	COD	mg/L	150
4	TSS	mg/L	100
5	Nhiệt độ	oC	40
6	Tổng nitơ (tính theo N)	mg/L	40
7	Tổng phot pho (tính theo P)	mg/L	6
8	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	5.000
9	Độ màu (ở pH = 7)	Pt-Co	150
10	Asen (As)	mg/L	0,1
11	Thủy ngân (Hg)	mg/L	0,01

12	Chì (Pb)	mg/L	0,5
13	Cadimi (Cd)	mg/L	0,1
14	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/L	0,1
15	Tổng Crom (Cr)	mg/L	1
16	Đồng (Cu)	mg/L	2
17	Kẽm (Zn)	mg/L	3
18	Niken (Ni)	mg/L	0,5
19	Mangan (Mn)	mg/L	2
20	Sắt (Fe)	mg/L	5
21	Bari (Ba)	mg/L	1
22	Antimon (Sb)	mg/L	0,2
23	Thiếc (Sn)	mg/L	0,5
24	Selen (Se)	mg/L	0,1
25	Xianua	mg/L	0,2
26	Amoni (tính theo N)	mg/L	10
27	Phenol (C ₆ H ₅ OH)	mg/L	0,1
28	Tổng phenol	mg/L	0,5
29	Dầu mỡ khoáng	mg/L	10
30	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	5
31	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	0,5
32	Florua (F ⁻)	mg/L	10
33	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	500
34	Clo dư	mg/L	2
35	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật: Clo hữu cơ	mg/L	0,1
36	Tổng hóa chất bảo vệ thực vật: Photpho hữu cơ	mg/L	1
37	Tổng PCB	mg/L	0,01
38	Dioxin/Furan	pgTEQ/L	10
39	Halogen hữu cơ dễ bị hấp thụ (AOX)	mg/L	7,5
40	Chất hoạt động bề mặt Anion	mg/L	3
41	Pentachlorophenol (C ₆ Cl ₅ OH)	mg/L	0,001
42	Trichloroethylene (CH-CCl ₃)	mg/L	0,06
43	Tetrachloroethylene (C ₂ Cl ₄)	mg/L	0,04
44	Benzene (C ₆ H ₆)	mg/L	0,01
45	Methylene chloride (CH ₂ Cl ₂)	mg/L	0,02
46	Cacbon teraclorua (CCl ₄)	mg/L	0,004
47	1,1-Dichloroethene (CH ₂ CCl ₂)	mg/L	0,05
48	1,2-Dichloroethane (C ₂ H ₄ Cl ₂)	mg/L	0,03
49	Chloroform (CHCl ₃)	mg/L	0,3
50	1,4-Dioxane (C ₄ H ₈ O ₂)	mg/L	0,05
51	Di-EthylHexyl Phthalate (DEHP) (C ₆ H ₄ (CO ₂ C ₈ H ₁₇) ₂)	mg/L	0,02

52	Vinyl chloride ($\text{CH}_2=\text{CHCl}$)	mg/L	0,01
53	Acrylonitrile (CH_2CHCN)	mg/L	0,01
54	Bromoform (CHBr_3)	mg/L	0,1
55	Naphthalene (C_{10}H_8)	mg/L	0,05
56	Formaldehyde (HCHO)	mg/L	1
57	Epichlorohydrin ($\text{C}_3\text{H}_5\text{ClO}$)	mg/L	0,03
58	Toluene ($\text{C}_6\text{H}_5\text{-CH}_3$)	mg/L	0,7
59	Xylene ($\text{C}_6\text{H}_4(\text{CH}_3)_2$)	mg/L	0,5
60	Perchlorate (ClO_4^-)	mg/L	0,03
61	Acrylamide ($\text{CH}_2=\text{CH-CONH}_2$)	mg/L	0,015
62	Styrene ($\text{C}_6\text{H}_5\text{CH=CH}_2$)	mg/L	0,02
63	Bis (2-ethylhexyl) adipate ($(\text{CH}_2\text{CH}_2\text{CO}_2\text{C}_8\text{H}_{17})_2$)	mg/L	0,2
64	Sunfit	mg/L	5

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng kể từ Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

- Giai đoạn 1: Hệ thống xử lý nước thải module 2 có công suất 3.000 m³/ngày;
- Giai đoạn 2: Hệ thống xử lý nước thải module 1 sau cải tạo có công suất 1.500 m³/ngày và hệ thống xử lý nước thải module 3 có công suất 3.000 m³/ngày;
- Giai đoạn 3: Hệ thống xử lý nước thải module 4 có công suất 2.400 m³/ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Giai đoạn 1:

- + Tại bể thu gom nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải module 2.
- + Tại bể khử trùng của hệ thống xử lý nước thải module 2.

- Giai đoạn 2:

- + Tại bể thu gom nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải module 1 và 3.
- + Tại bể khử trùng sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải module 1 và 3.

- Giai đoạn 3:

- + Tại bể thu gom nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải module 4.
- + Tại bể khử trùng sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải module 4.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty TNHH Dintsun Việt Nam phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của trạm xử lý nước thải tập trung theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.6 Phần A của Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm các module của hệ thống xử lý nước thải tập trung Cụm công nghiệp, tổng công suất 9.900 m³/ngày đêm theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BTNMT), cụ thể như sau:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Tối thiểu là 15 ngày/lần trong ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm (đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu theo quy định).

- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 01 ngày/lần trong ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả (đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu theo quy định).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ các hoạt động của dự án và các dự án, cơ sở thứ cấp bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom và thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, xử lý và xả nước thải sau xử lý. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa phải có hố ga lắng cặn trước khi xả vào hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực. Hệ thống thu gom thoát nước thải, thu gom, thoát nước mưa phải thường xuyên nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất, vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của khu công nghiệp. Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: Lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.4. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được truyền dẫn thường xuyên, ổn định dữ liệu, số liệu quan trắc về Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Cần Thơ. Thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được thử nghiệm ổn định, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng. Việc kết nối, truyền số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP) và quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải được kiểm soát chất lượng định kỳ 01 lần/năm theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT.

3.5. Có trách nhiệm thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải của dự án cho Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Cần Thơ trước ít nhất là 10 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ

trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 và khoản 4 Điều 11 Nghị định 48/2026/NĐ-CP). Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP)

3.6. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm hệ thống/công trình xử lý nước thải gửi Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Cần Thơ trước thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm 20 ngày. Báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải phải bảo đảm đầy đủ kết quả quan trắc chất thải theo kế hoạch vận hành thử nghiệm được nêu trong giấy phép môi trường.

3.7. Thỏa thuận cụ thể điều kiện đầu nối nước thải với các nhà đầu tư thứ cấp trong Cụm công nghiệp trước khi thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp. Bảo đảm toàn bộ nước thải phát sinh từ các dự án thứ cấp trong Cụm công nghiệp được thu gom, đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý theo tiêu chuẩn tại Mục 1.5 Phần B Phụ lục này.

3.8. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện thu gom nước thải từ các nhà đầu tư thứ cấp trong Khu công nghiệp để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra ngoài môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.6 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND ngày tháng 8 năm 2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh tại khu vực phòng đặt máy phát điện dự phòng của hệ thống xử lý nước thải, máy nén khí, bơm phục vụ cho xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp.

- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh tại khu vực đặt máy phát điện dự phòng phục vụ phòng cháy, chữa cháy.

- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh tại máy nén khí, bơm phục vụ cho hệ thống xử lý nước cấp.

2. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (áp dụng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực đến ngày 31/12/2026); QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (áp dụng kể từ ngày 01/01/2027), cụ thể như sau:

2.1. Tiếng ồn

- Khu vực áp dụng:

+ Đến ngày 31/12/2026: tại khu vực thông thường.

+ Từ ngày 01/01/2027: tại khu vực E.

Đơn vị: dBA

Stt	Khoảng thời gian	Đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày 01/01/2027
1	6h đến 18h	70	70
2	18h – 22h		65
3	22h – 6h	55	60

2.2. Độ rung

- Khu vực áp dụng:

+ Đến ngày 31/12/2026: tại khu vực thông thường.

+ Từ ngày 01/01/2027: tại khu vực E.

Đơn vị: dB

Stt	Khoảng thời gian	Đến hết ngày 31/12/2026	Kể từ ngày 01/01/2027
1	6h đến 22h	70	75
2	22h – 6h	60	70

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

1.1. Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

1.2. Đối với các thiết bị có phát sinh độ rung được kê các đệm chân đế máy để hạn chế độ rung. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép theo quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-UBND ngày tháng 8 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên: 272,4 kg/năm (khi cụm công nghiệp được lắp đầy).

TT	Tên chất thải	Khối lượng
1	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	28,4
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	128
3	Pin	63
4	Acquy	53
	TỔNG KHỐI LƯỢNG	272,4

1.2. Khối lượng chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên: 994.735,2 kg/năm (khi cụm công nghiệp được lắp đầy).

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì cứng thải bằng nhựa	25,5
2	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác	25,5
3	Bao bì mềm thải	19,2
4	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	28,5
5	Bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật	5,8
6	Hộp chứa mực in	39,5
7	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	994.591,2
	TỔNG KHỐI LƯỢNG	994.735,2

Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Thực hiện phân định, phân loại theo QCVN 07:2025/BNMT để xác định các thành phần nguy hại, nếu thuộc CTNH sẽ thực hiện quản lý theo quy định.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: 1.059.600 kg/năm (khi cụm công nghiệp được lắp đầy).

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bao bì nhựa, giấy	6.600
2	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước cấp	1.053.000
	TỔNG KHỐI LƯỢNG	1.059.600

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 4,84 tấn/năm (khi cụm công nghiệp được lấp đầy).

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: 12 thùng nhựa có nắp đậy (06 thùng loại 60 lít và 06 thùng loại 120 lít); thiết bị lưu chứa được dán nhãn phân loại chất CTNH theo đúng quy định.

- Kho chứa CTNH: Diện tích 20 m², kết cấu tường xây gạch, nền bê tông, mái tole, có biển báo theo quy định.

- Khu vực lưu chứa bùn thải: Diện tích 44 m² (Đảm bảo được che chắn, chống thấm, chống tràn).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy thể tích 120 lít/thùng.

- Khu vực lưu chứa: Diện tích 80 m²; nền bê tông, tường xây gạch, mái tole.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Bố trí 06 thùng đựng có nắp đậy thể tích 120 lít/thùng.

- Thùng nhựa và bao bì chứa được để tại các vị trí thuận lợi cho việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI

1. Thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Xây dựng, thực hiện kế hoạch, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải theo hướng dẫn tại Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường.

4. Kho lưu giữ chất thải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026.

5. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải thông thường đảm bảo đúng quy định.

6. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-

CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 8 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN

Dự án đã triển khai hạ tầng cụm công nghiệp, trong đó đã xây dựng xong hệ thống xử lý nước thải công suất 1.500 m³/ngày đêm (module 1) nhưng chưa có dự án thứ cấp hoạt động.

Chủ dự án tiếp tục thực hiện đầu tư xây dựng các module 2, 3, 4 và cải tạo modul 1 của hệ thống xử lý nước thải theo các giai đoạn đầu tư.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường được đào tạo chuyên ngành môi trường hoặc lĩnh vực chuyên môn phù hợp theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường.

5. Diện tích cây xanh phải bảo đảm tỷ lệ theo quy định của pháp luật về xây dựng.

6. Việc thu hút, sắp xếp, bố trí các dự án đầu tư, cơ sở thứ cấp theo ngành nghề thu hút đầu tư trong cụm công nghiệp phải bảo đảm thực hiện theo đúng quy hoạch phân khu chức năng của cụm công nghiệp được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

7. Toàn bộ nước thải phát sinh từ Cụm công nghiệp phải được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Tuyệt đối không xả nước thải không đạt quy chuẩn ra nguồn tiếp nhận; công khai, minh bạch các tuyến đường ống thu gom thoát nước mưa, nước thải; đấu nối nước mưa, nước thải đảm bảo đúng vị trí trong hồ sơ giấy phép môi trường đã được cấp phép; thực hiện tách riêng biệt, triệt để hệ thống thu gom thoát nước mưa và nước thải của dự án.

8. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.